

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/3/2021.  
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 12/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1058/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Q, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 87A đường 626, Tổ 6, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 87A đường 626, Tổ 6, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện C, nguyên đơn bà Phan Thị Q trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Hoà ng T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, Thà nh phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 57, quyển số 01/2001 ngày 06/8/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hợp nhau. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nhận thấy đời sống chung hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn nên Tôi yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung có 02 con tên: Nguyễn Phan Thùy A, sinh ngày 09/5/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phan Thúy A1, sinh ngày 23/5/2008. Tôi giao con chung tên Nguyễn Phan Thúy A1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

\* Bị đơn ông Nguyễn Hoà ng T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Phan Thị Q và ông Nguyễn Hoà ng T là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Hoà ng T hiện cư trú tại huyện C, căn cứ và o khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hoà ng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Q và ông Nguyễn Hoà ng T có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 57, quyển 01/2001 ngày 06/8/2001. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Q nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, bà Q đã nhiều lần khuyên nhủ

ông T để ông T thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, bà Q không còn tình cảm với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà Q nên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn với ông T của bà Q là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q đối với ông T.

[4] Về con chung có 02 con là: Nguyễn Phan Thùy A, sinh ngày 09/5/2002 (đã trưởng thành); Nguyễn Phan Thúy A1, sinh ngày 23/5/2008. Bà Q có ý kiến giao trẻ Thúy A1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà An không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Q đề nghị giao trẻ Nguyễn Phan Thúy A1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của trẻ (trẻ A1 muốn được ở với ba) nên để ổn định tâm sinh lý của trẻ A1, Hội đồng xét xử giao trẻ Thúy A1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay, trẻ Thúy A1 đang ở với ông T, quá trình giải quyết vụ án ông T không đến Tòa án và không thể hiện yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Q cho đến khi ông T có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Q tự nguyện chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ và o khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ và o Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Q là được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 57, quyển số 01/2001 ngày 06/8/2001 của UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phan Thị Q và ông Nguyễn Hoàng T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 02 trẻ tên: Nguyễn Phan Thùy A, sinh ngày 09/5/2002 (đã trưởng thành); Nguyễn Phan Thúy A1, sinh ngày 23/5/2008.

Giao cho ông Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phan Thúy A1, sinh ngày 23/5/2008. Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với bà Q cho đến khi ông T có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thị Q phải chịu, nhưng được trừ và ưu tiên tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0084688 ngày 05/10/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện C. Bà Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND xã P, huyện C, Tp Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Ngọc**

